

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN KỲ
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 01/2025/DS-ST

Ngày: 15/4/2025

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN KỲ, TỈNH NGHỆ AN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* bà Nguyễn Thị Thu Hương

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Giáp.

2. Bà Trần Thị Hợi.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* bà Nguyễn Thị Hà Linh - Cán bộ
Toà án nhân dân huyện Tân Kỳ.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An tham gia
phiên toà:*** bà Thái Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Kỳ xét
xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2024/TLST-DS ngày 28 tháng
11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 05/2025/QĐXXST-DS ngày 4 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP H1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L, chức vụ: Tổng
giám đốc; địa chỉ: Số E A, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Q – chức vụ: Tổng giám
đốc Ngân hàng Q1.

Người được ủy quyền lại:

- Ông Đặng Hồng T – sinh năm 1980; có mặt.

- Ông Nguyễn Trung H, sinh năm: 1988; vắng mặt.

- Ông Trần Mạnh T1, sinh năm: 1985; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1978; vắng mặt.

Địa chỉ: Tòa nhà B tỉnh Nghệ An, Số B, đường N, phường H, thành phố
V, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T2, sinh năm 1985; vắng mặt.

Bà Võ Thị Hương X, sinh năm 1984; vắng mặt.

Đều trú tại: K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2024 và bản khai các ngày: 17/12/2024, 31/12/2024, 6/01/2025, 20/2/2025 có tại hồ sơ vụ án, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn ông Đặng Hồng T trình bày: Ngày 17/06/2022 Ngân hàng TMCP H1 (Q1) – chi nhánh N và ông Nguyễn Đình T2 đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 04407/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB /2445813 có nội dung như sau: Hạn mức vay: 500.000.000 đồng, mục đích vay vốn phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân, thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 17/06/2022 đến ngày 14/06/2023. Lãi suất vay: Lãi suất thả nổi và được tính trên dư nợ gốc giảm dần. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả nợ: Nợ gốc trả vào cuối kỳ và lãi trả vào ngày cuối cùng hàng tháng.

Ngày 17/06/2022, Q1 đã giải ngân cho ông Nguyễn Đình T2 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04407/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2445813 với số tiền 500.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Đình T2 và bà Võ Thị Hương X đã thanh toán cho MSB tổng số tiền là 63,379,904 đồng tiền lãi.

Từ ngày 14/06/2023 ông Nguyễn Đình T2, bà Võ Thị Hương X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản nợ lãi đã cam kết tại hợp đồng vay, MSB chuyển khoản vay trong hạn sang quá hạn. Tính đến ngày 04/01/2025, ông Nguyễn Đình T2, bà Võ Thị Hương X còn nợ MSB với số tiền: 739.293.008 đồng (*Bảy trăm ba mươi chín triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn, không trăm linh tám đồng*) trong đó: Nợ gốc: 499.995.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 160.750.801 đồng; nợ lãi quá hạn: 78.547.207 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án xét xử buộc ông Nguyễn Đình T2 và bà Võ Thị Hương X phải trả cho Ngân hàng TMCP H1 số tiền tạm tính đến ngày 15/4/2025 là 780.799.442 đồng (*Bảy trăm tám mươi triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng*) trong đó: Nợ gốc: 499.995.000 đồng; Nợ lãi: 188.421.757 đồng; Nợ lãi quá hạn: 92.382.685 đồng. Kể từ ngày 16/4/2025, ông Nguyễn Đình T2 và bà Võ Thị Hương X còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 04407/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2445813, ký ngày 17/06/2022 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Về án phí: Ngân hàng TMCP H1 – chi nhánh N yêu cầu các bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai đề ngày 17/12/2024 và các biên bản hòa giải ngày 31/12/2024; ngày 6/1/2025, bị đơn ông Nguyễn Đình T2 trình bày: Ông T2 hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: ngày 17/06/2022 ông T2 đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 04407/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB /2445813 với Ngân hàng TMCP H1 (Q1) – chi nhánh N, vay: 500.000.000 đồng, mục đích vay vốn phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân. Quá trình vay ông Nguyễn Đình T2 và bà Võ Thị Hương X đã thanh toán cho MSB tổng số tiền là 63,379,904 đồng tiền lãi. Do điều kiện hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn trong làm ăn cũng như bản thân ông T2 bị ốm đau, bệnh tật nên ông chưa thanh toán cho ngân hàng được. Nay Ngân hàng TMCP H1 khởi kiện yêu cầu ông phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 04/01/2025, là: 739.293.008 đồng (*Bảy trăm ba mươi chín triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn, không trăm linh tám đồng*) trong đó: Nợ gốc: 499.995.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 160.750.801 đồng; nợ lãi quá hạn: 78.547.207 đồng, ông T2 thống số tiền nợ như ngân hàng đã tính nhưng ông T2 đề nghị Ngân hàng TMCP H1 cho ông T2 thêm thời gian để trả nợ.

Tại bản tự khai đề ngày 17/12/2024 và các biên bản hòa giải bị đơn chị Võ Thị Hương X trình bày: Ngày 17/06/2022 ông T2 và bà X vay của Ngân hàng TMCP H1 (Q1) – chi nhánh N, số tiền: 500.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 04407/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB /2445813 và văn bản đồng thuận vay vốn và trả nợ cho ngân hàng. Quá trình vay vợ chồng bà X đã thanh toán cho MSB tổng số tiền là 63.379.904 đồng tiền lãi. Nay Ngân hàng TMCP H1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 04/01/2025, là: 739.293.008 đồng (*Bảy trăm ba mươi chín triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn, không trăm linh tám đồng*), bà X thống nhất với số tiền nợ gốc nợ lãi như Ngân hàng TMCP H1 trình bày nhưng bà X đề nghị Ngân hàng TMCP H1 cho vợ chồng bà thêm thời gian để trả nợ. Do điều kiện hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn trong làm ăn cũng như chồng bà là ông T2 bị ốm đau, bệnh tật nên vợ chồng bà chưa có khả năng thanh toán cho ngân hàng được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS, việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 26, Điều 35 BLTTDS, xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T2 và bà Võ Thị Hương X đã thực hiện cơ bản đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Các bị đơn đã được Tòa triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Kỳ đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 91, 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP H1, buộc bị đơn Nguyễn Đình T2 và bà Võ Thị Hương X phải trả tiền gốc, tiền lãi phát sinh tính đến ngày 04/01/2025 là 780.799.442 đồng (*Bảy trăm tám mươi triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng*) cho Ngân hàng TMCP H1.

Về án phí: Ngân hàng TMCP H1 – chi nhánh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP H1 – chi nhánh N.

Ông Nguyễn Đình T2 và bà Võ Thị Hương X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến trình bày của nguyên đơn, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì ông Nguyễn Đình T2 và bà Võ Thị Hương X có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khối C thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An nên căn cứ tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Đình T2 và bà Võ Thị Hương X đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Đình T2 và bà Võ Thị Hương X.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về chủ thể:* Ngân hàng TMCP H1 được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật, ông Nguyễn Đình T2 và bà Võ Thị Hương X là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó các bên đều có quyền ký kết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc giao dịch mà mình đã ký kết.

[3.2] Về hình thức và nội dung hợp đồng tín dụng hạn mức số: 04407/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB /2445813 có nội dung như sau: Hạn mức vay: 500.000.000 đồng, mục đích vay vốn phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân. thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 17/06/2022 đến ngày 14/06/2023. Lãi suất vay: Lãi suất thả nổi và được tính trên dư nợ gốc giảm dần. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả nợ: Nợ gốc trả vào cuối kỳ và lãi trả vào ngày cuối cùng hàng tháng.

Ngày 17/06/2022, Q1 đã giải ngân cho ông Nguyễn Đình T2 theo Hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết. Vì vậy hợp đồng giữa các bên đã ký kết là hợp pháp, có hiệu lực đối với hai bên và cần được pháp luật bảo vệ.

[3.3] Về nghĩa vụ thanh toán: Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng số: 04407/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB /2445813, ngày 17/06/2022, Q1 đã giải ngân cho ông Nguyễn Đình T2 số tiền: 500.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Đình T2 và bà Võ Thị Hương X đã thanh toán cho MSB tổng số tiền là 63.379.904 đồng tiền lãi. Từ ngày 14/06/2023 ông Nguyễn Đình T2, bà Võ Thị Hương X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc và nợ lãi đã cam kết tại hợp đồng vay, MSB chuyển khoản vay trong hạn sang quá hạn. Tính đến ngày 15/4/2025, ông Nguyễn Đình T2, bà Võ Thị Hương X còn nợ MSB với số tiền: 780.799.442 đồng (*Bảy trăm tám mươi triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng*) trong đó: Nợ gốc: 499.995.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 188.421.757 đồng; nợ lãi quá hạn: 92.382.685 đồng.

[3.4] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP H1 buộc ông Nguyễn Đình T2 và bà Võ Thị Hương X trả lãi đến ngày 15/4/2025 tổng với số tiền là 280.804.443 đồng, trong đó lãi suất trong hạn là 188.421.757 đồng, lãi quá hạn là 92.382.685 đồng, thấy rằng:

Ngày 17/06/2022, Q1 đã giải ngân cho ông Nguyễn Đình T2 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04407/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2445813 với số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 17/06/2022 đến ngày 14/06/2023. Lãi suất vay: Lãi suất thả nổi và được tính trên dư nợ gốc giảm dần. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả nợ: Nợ gốc trả vào cuối kỳ và lãi trả vào ngày cuối cùng hàng tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Đình T2 và bà Võ Thị Hương X đã thanh toán cho MSB tổng số tiền là 63,379,904 đồng tiền lãi. Từ ngày 14/06/2023 ông Nguyễn Đình T2, bà Võ Thị Hương X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản nợ lãi đã cam kết tại hợp đồng vay, MSB chuyển khoản vay trong hạn sang quá hạn. Tính đến ngày 15/4/2025, ông Nguyễn Đình T2, bà Võ Thị Hương X còn nợ MSB với số tiền: lãi suất trong hạn là 188.421.757 đồng, lãi quá hạn là 92.382.685 đồng

Căn cứ vào khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Điều 91 Luật các tổ chức tín

dụng; các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự thì yêu cầu của Ngân hàng về lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn là có căn cứ để chấp nhận.

Vì vậy, việc Ngân hàng TMCP H1 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đình T2, bà Võ Thị Hương X trả số tiền nợ gốc và lãi cho ngân hàng đối với khoản vay trên tính đến ngày 15/4/2025 là 780.799.442 đồng (*Bảy trăm tám mươi triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng*) trong đó: Nợ gốc: 499.995.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 188.421.757 đồng; nợ lãi quá hạn: 92.382.685 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H1 được chấp nhận nên ông Nguyễn Đình T2, bà Võ Thị Hương X phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP H1 số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 405 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP H1 – chi nhánh N.

2. Buộc ông Nguyễn Đình T2, bà Võ Thị Hương X phải trả cho Ngân hàng TMCP H1 – chi nhánh N số tiền (tạm tính đến ngày 15/4/2025) là 780.799.442 đồng (*Bảy trăm tám mươi triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng*) trong đó: Nợ gốc: 499.995.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 188.421.757 đồng; nợ lãi quá hạn: 92.382.685 đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày tạm tính số liệu tiền nợ và lãi phát sinh (từ ngày 16/4/2025), cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về án phí: ông Nguyễn Đình T2 và bà Võ Thị Hương X phải chịu 35.231.978 đồng (*Ba mươi lăm triệu hai trăm ba mươi một nghìn chín trăm bảy tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP H1 – chi nhánh N số tiền 16.117.647 đồng (Mười sáu triệu một trăm mười bảy nghìn sáu trăm bốn bảy đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Kỳ theo biên lai thu tiền số 0000235 ngày 27/11/2024.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/4/2025). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại nơi cư trú của bị đơn.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Kỳ;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Tân Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Giáp

Trần Thị Hợi

Nguyễn Thị Thu Hương